

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 04-9-2020

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Viết Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lâm
Ông Đỗ Minh Thân

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hoa là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Khu 6 xã TV, huyện TT, tỉnh P. (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Đình Đức T**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Khu 9 xã TV, huyện TT, tỉnh P. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 12/02/2020, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 17/02/2020 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

Chị kết hôn với anh Đình Đức T ngày 08/9/2011, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã YM cũ, nay là xã TV, huyện TT, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống riêng. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Kể từ ngày 25/12/2019 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân.

Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết anh T đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng, xác minh tại UBND xã TV, huyện TT.**

Qua làm việc với UBND xã TV, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã TV, Đại diện khu 9, xã TV huyện TT, tỉnh P xác định:

Hiện nay anh T vẫn đang cư trú tại địa phương, năm 2011 anh T và Chị H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã YM cũ, nay là xã TV, huyện TT. Quá trình chung sống, Chị H anh T đã phát sinh mâu thuẫn, hiện nay Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở Khu 6, xã TV sinh sống, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Vợ chồng Chị H anh T không có con chung. UBND xã TV đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự và quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ.

** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:*

-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị H: Xử cho Chị H được ly hôn với anh T;

Về con chung: Chị H anh T không có con chung;

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này;

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho các bên đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên anh T đều vắng mặt, sau đó Chị H có đơn đề nghị từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Do vậy căn cứ vào Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Chị H do điều kiện bận công việc làm ăn, đi lại khó khăn vất vả nên Chị H đã có đơn đề nghị xét xử việc ly hôn vắng mặt. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh T vào ngày 08/9/2011, việc kết hôn là tự nguyện và đăng ký tại UBND xã YM cũ, nay là xã TV, huyện TT, tỉnh P, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị H anh T đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống, Chị H đã về nhà mẹ đẻ tại khu 6 xã TV, huyện TT sinh sống từ cuối năm 2019. Nay chị xác định tình cảm không còn đề nghị được ly hôn anh T.

Qua làm việc với UBND xã TV; Hội liên hiệp Phụ nữ xã TV; Đại diện Khu 9, xã TV huyện TT, tỉnh P xác định: Hiện nay anh T vẫn đang cư trú tại địa phương. Quá trình chung sống, Chị H anh T đã phát sinh những mâu thuẫn trong cuộc sống. Hiện nay Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở khu 6 xã TV sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân. Vợ chồng Chị H anh T không có con chung. UBND xã TV và các thành phần trên đều đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình cảm vợ chồng Chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không hợp tác hòa giải. Vì vậy cần xử cho Chị H được ly hôn với anh T là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Chị H anh T không có con chung nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- * Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- * Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đinh Đức T.

2. Về con chung: Chị H anh T không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0001714 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TV;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú